

Bản án số: 34/2019/HS-ST
Ngày 27-11-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tuấn Tú.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Sáng;

Bà Nguyễn Phương Mai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Hà - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:
Bà Đinh Thị Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 33/2019/TLST-HS ngày 11 tháng 11 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2019/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 11 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Thị D, sinh năm 1970 tại huyện V, tỉnh Hà Giang.

Nơi cư trú: Thôn C, xã V, huyện V, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn 3/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn K (đã chết) và Lương Thị N (tên gọi khác Pấn), sinh năm 1949, có chồng Nguyễn Đức Q, sinh năm 1970 và 03 con, con lớn nhất sinh năm 1989, con nhỏ nhất sinh năm 1995; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 05/9/2019, hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang (có mặt).

2. Họ và tên: Hoàng Việt H, sinh năm 1993 tại huyện L, tỉnh Tuyên Quang.

Nơi cư trú: Thôn N, xã L, huyện L, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn 11/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn Đ, sinh năm 1969 và bà Châu Thị T, sinh năm 1969; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 14/10/2019, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang (có mặt).

*** Người làm chứng:**

1. Bà Châu Thị T, sinh năm: 1969. Có mặt;
 2. Chị Nguyễn Thị N1, sinh năm: 1977. Vắng mặt;
 3. Chị Quan Thị H1, sinh năm: 1993. Có mặt;
 4. Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1987. Vắng mặt;
 5. Anh Hoàng Văn H2, sinh năm: 1997. Có mặt;
 6. Anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1993. Vắng mặt;
- Đều trú tại: Thôn N, xã L, huyện L, tỉnh Tuyên Quang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 8/2017, Nguyễn Thị D cư trú tại xã V, huyện V, tỉnh Hà Giang sang Trung Quốc làm thuê, D quen và nhận Hoàng Việt H - trú tại thôn N, xã L, huyện L, tỉnh Tuyên Quang cũng làm thuê tại tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc làm con nuôi. Đến cuối năm 2017, H về Việt Nam, sau đó D cũng về Việt Nam và thường xuyên đi lại nhà H chơi.

Thời gian làm thuê tại Trung Quốc, D được mọi người giới thiệu và cho số điện thoại của một người tên M ở huyện B, tỉnh Lào Cai là người chuyên tìm người lao động Việt Nam đưa vượt biên trái phép sang Trung Quốc làm thuê. Khi về Việt Nam, D gọi điện cho M hỏi về công việc bên Trung Quốc và đặt vấn đề với M sau tết D muốn sang Trung Quốc làm thuê. M cho biết, công việc làm ở xưởng sản xuất thuốc lá lậu, lương 3.700NDT/người/tháng, bao ăn ở, cứ 15 ngày trả lương một lần, nếu ai đi thì rủ thêm họ đi, M sẽ bố trí công việc cho họ, ai không có tiền thì M sẽ chi phí trước, khi nào làm có lương thì trả cho M sau; về lộ trình đi, M bảo D cứ đưa mọi người lên tỉnh Lạng Sơn, M sẽ đón và đưa mọi người vượt biên sang Trung Quốc.

Trước tết Nguyên đán năm 2018, H gọi điện hỏi D sau tết có đi sang Trung Quốc làm thuê nữa không, nếu đi thì cho bà Châu Thị T (mẹ H) đi cùng. D gọi điện hỏi M, M nói vẫn cần người đưa sang Trung Quốc làm, M cho D biết về công việc, mức lương, chi phí đi lại như đã nói trước đó và bà D nếu đi thì rủ thêm người đi, càng nhiều người càng tốt.

Tháng 02/2018, H bị tai nạn gãy chân, D mua thuốc nam đem đến cho H chữa, đồng thời D bảo H tìm thêm người trong làng để D đưa sang Trung Quốc làm thuê, D nói cho H biết về công việc, mức lương, chi phí đi lại, hình thức đi là đi chui không cần làm giấy tờ thủ tục gì, như M đã nói với D, H nhất trí. D và H thống nhất khi tìm người lao động thì chỉ nói với họ mức lương là 3.500NDT/người/tháng, còn lại 200NDT D và H sẽ chia nhau hưởng lợi.

Sau khi D về, H đã gặp trực tiếp hoặc nhắn tin qua Zalo rủ được 6 người là Quan Thị H1, Nguyễn Văn T1, Hoàng Văn H2, Châu Thị T (mẹ Hùng), Nguyễn Thị N1 và Nguyễn Văn V đều trú tại Thôn N, xã L, huyện L, tỉnh

Tuyên Quang đi Trung Quốc làm thuê. H nói với mọi người công việc làm thuê bên Trung Quốc là làm thuốc lá lậu, lương 3.500NDT/người/tháng, bao ăn ở, ai không có tiền thì ông chủ Trung Quốc sẽ ứng chi phí trước, khi nào làm có lương sẽ trừ sau vào tháng lương đầu tiên, việc đi sang Trung Quốc sẽ do mẹ nuôi của H tên là D đưa đi. Sau khi nghe H nói vậy thì T, N1, T1 và V nhất trí đi, H1 và H2 nói sẽ trả lời sau.

Sau đó, H báo cho D biết đã tìm được 06 người, nhưng có 04 người nhất trí đi, còn 02 người chưa quyết định. Ngày 17/4/2018, D bảo H đón D về nhà H để nói chuyện với những người mà H tìm được. H đi xe máy lên huyện V, tỉnh Hà Giang đón D. Khi về nhà, H thông báo cho những người mà H rủ đi Trung Quốc đến nhà H để nói chuyện trực tiếp với D. Ngày 18/4/2018 lần lượt H1, N1, T1, H2, V đến nhà H (H ở chung với bà T), tại đây D nói cho mọi người biết về mức lương, việc làm bên Trung Quốc, nếu ai đi thì D sẽ đưa đi, khi đi không phải làm giấy tờ gì vì đi chui, vượt biên trái phép qua biên giới, nếu ai không có tiền thì ông chủ Trung Quốc sẽ ứng ra chi trước, khi nào sang đó làm thì sẽ trừ 1.000NDT ở tháng lương đầu tiên. Mọi người nhất trí đi, D bảo mọi người 06 giờ ngày 19/4/2018 tập trung tại ngã ba gần nhà H để D đưa đi. Đúng giờ hẹn, H1, T, N1, H2, V và T1 có mặt, D bắt xe khách đưa mọi người xuống km 31 đường Tuyên Quang - Hà Giang (H không đi vì bị gãy chân chưa khỏi), sau đó D gọi điện cho xe khách Hà Giang bảo đón người đi Lạng Sơn. Khi xe khách đến, D bảo mọi người lên xe đi. Trên đường đi D gọi điện cho M thông báo đang đưa 06 người lên Lạng Sơn, D bảo M ra đón trả tiền xe khách cho D và mọi người, M nhất trí. Khi D và mọi người đến bến xe Lạng Sơn, D bảo mọi người xuống xe chờ; một lúc sau, có một người đàn ông (D không biết tên, địa chỉ) do M cử đến đón D, người này trả tiền xe khách cho 07 người (gồm cả D) hết 1.680.000 đồng và bảo mọi người lên xe ô tô đi lên khu vực biên giới gần cửa khẩu Chi Ma, sau đó người này đưa mọi người vượt biên trái phép theo đường đồi sang đất Trung Quốc. Khi sang Trung Quốc, theo D khai M bố trí xe ô tô đến đón D và mọi người đi nhiều chặng xe đến chỗ làm tại tỉnh Phúc Kiến và tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc. Tại đây D cùng mọi người được M và một người tên T2 bố trí cho làm việc tại các xưởng sản xuất khác nhau. Làm một thời gian do công việc không ổn định nên đến tháng 01/2019 mọi người lần lượt về nước.

Trước khi đi, D thống nhất, tiền lương của mọi người, sẽ chuyển vào tài khoản của D và D cung cấp số tài khoản của D cho M. Nhưng trên thực tế khi làm thì M chưa thanh toán tiền lương cho mọi người. Do vậy D và H chưa được hưởng lợi số tiền 200NDT/người/tháng như đã thỏa thuận với nhau trước đó.

Tại bản Cáo trạng số 36/CT-VKS ngày 11 tháng 11 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã truy tố các bị cáo Nguyễn Thị D và Hoàng Việt H về tội “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài” theo điểm c khoản 2 Điều 349 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang trình bày lời luận tội giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo về tội Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Thị D, Hoàng Việt H phạm tội “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài”.

Căn cứ: điểm c khoản 2 Điều 349; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị D từ 05 năm 03 tháng đến 05 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 05/9/2019.

Xử phạt: Bị cáo Hoàng Việt H từ 05 năm đến 05 năm 03 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 14/10/2019.

Các bị cáo Nguyễn Thị D, Hoàng Việt H không có tài sản có giá trị nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về vật chứng: Tại phiên tòa đã làm rõ bị cáo D không sử dụng chiếc điện thoại bị thu giữ làm phương tiện phạm tội nên đề nghị trả lại cho bị cáo, nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Ngoài ra, Kiểm sát viên còn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định về án phí và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Thị D, Hoàng Việt H trình bày phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Khi được nói lời sau cùng, các bị cáo đều đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để các bị cáo cải tạo, sớm trở thành công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Căn cứ vào lời khai của các bị cáo, người làm chứng cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Khoảng 06 giờ ngày 19/4/2018, tại thôn N, xã L, huyện L, tỉnh Tuyên Quang. Nguyễn Thị D cư trú tại thôn C, xã V, huyện V, tỉnh Hà Giang và Hoàng Việt H cư trú tại thôn N, xã L, huyện L có hành vi tổ chức cho 06 người gồm Nguyễn Thị N1; Quan Thị H1, Nguyễn Văn T1, Hoàng Văn H2, Châu Thị T và Nguyễn Văn V đều trú tại thôn N, xã L, huyện L, tỉnh Tuyên Quang trốn sang Trung Quốc làm thuê trái phép. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Các bị cáo Nguyễn Thị D, Hoàng Việt H phạm tội Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 349 Bộ luật Hình sự.

[2] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính trong lĩnh vực xuất nhập cảnh, gây ảnh hưởng đến tình

hình an ninh trật tự tại địa phương. Các bị cáo đều có đủ khả năng nhận thức việc Tổ chức người khác trốn đi nước ngoài là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Do vậy, cần xử phạt các bị cáo mức án nghiêm, tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo, như vậy mới có tác dụng giáo dục các bị cáo trở thành người công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội, đồng thời phòng ngừa tội phạm chung.

[3] Trong vụ án này các bị cáo phạm tội không có tổ chức, chỉ là đồng phạm giản đơn. Xét tính chất, mức độ, vai trò, nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Bị cáo Nguyễn Thị D là người khởi xướng, trao đổi với bị cáo Hoàng Việt H tìm thêm người để Duyệt đưa sang Trung Quốc làm thuê, trực tiếp liên hệ với người tên M để đưa 06 người vượt biên giới trái phép sang Trung Quốc. Như vậy, bị cáo Nguyễn Thị D giữ vai trò chính trong vụ án nên cần xử phạt bị cáo mức hình phạt cao hơn bị cáo Hoàng Việt H.

Bị cáo Hoàng Việt H phạm tội với vai trò là đồng phạm, giúp sức cho bị cáo Nguyễn Thị D. Sau khi nghe thông tin từ bị cáo D, bị cáo H là người trực tiếp, nhắn tin qua Zalo rủ 06 người vượt biên giới trái phép sang Trung Quốc làm thuê. Do vậy, cũng cần xử bị cáo mức hình phạt nghiêm, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

[4] Khi quyết định hình phạt cần xem xét cho các bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu; quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; là người dân tộc thiểu số. Bị cáo Hoàng Việt H cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xem xét khi quyết định hình phạt cho phù hợp với hành vi của từng bị cáo.

[5] Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[6] Tại Biên bản xác minh ngày 30/8/2019 (bút lục số 89) bị cáo Nguyễn Thị D không có tài sản riêng có giá trị; Tại biên bản xác minh ngày 06/11/2019 (bút lục số 101) bị cáo Hoàng Việt H không có tài sản riêng có giá trị. Vì vậy Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Về mức hình phạt Kiểm sát viên đề nghị tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra thu giữ của bị cáo Nguyễn Thị D 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu ITEL, vỏ màu đen, loại máy bàn phím, có 02 số IMEL: (1) 351980104702681; (2): 351980104702699; trong máy được gắn 02 (hai) thẻ SIM điện thoại có số thuê bao là 0399103827 và 0373315845. Trong điện thoại có lắp 02 sim Viettel có dãy số 8984048000044741333;8984048000041515551. Tại phiên tòa đã làm rõ bị cáo Duyệt không sử dụng chiếc điện thoại bị thu giữ làm phương tiện phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo, nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[9] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Tuyên Quang, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[10] Đối với người đàn ông tên M; quá trình điều tra, D khai là người đặt vấn đề bảo D tìm người sau đó đã bố trí đưa 06 người trốn sang Trung Quốc làm thuê. Quá trình điều tra Cơ quan An ninh điều tra đã tiến hành xác minh nhưng chưa xác định được địa chỉ, nơi ở cụ thể của M nên chưa làm rõ được hành vi của M. Cơ quan An ninh điều tra đã tách các tài liệu liên quan đến đối tượng M ra chuyển Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Lào Cai để tiếp tục xác minh làm rõ.

Đối với hành vi xuất, nhập cảnh trái phép của Nguyễn Thị N1, Quan Thị H1, Hoàng Văn H2, Châu Thị T Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Tuyên Quang đã có Công văn số 192 ngày 06/6/2019 và Công văn số 236 ngày 02/8/2019 đề nghị Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh Tuyên Quang xử phạt vi phạm hành chính nên Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

[11] Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Thị D, Hoàng Việt H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[12] Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 349; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Thị D, Hoàng Việt H phạm tội “*Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài*”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị D 05 (năm) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 05/9/2019.

Xử phạt: Bị cáo Hoàng Việt H 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 14/10/2019.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ: Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị D: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu ITEL thu giữ của bị cáo Nguyễn Thị D, vỏ màu đen, loại máy bàn phím, có 02 số IMEI: (1) 351980104702681; (2): 351980104702699; trong máy được gắn 02 (hai)

thẻ SIM điện thoại có số thuê bao là 0399103827 và 0373315845. Trong điện thoại có lắp 02 sim Viettel có dãy số 8984048000044741333; 8984048000041515551. Điện thoại cũ, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong máy, không kiểm tra số dư tài khoản trong sim. Nhưng giữ lại để đảm bảo thi hành án.

(Tình trạng vật chứng như Biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Tuyên Quang và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang lập ngày 13/11/2019).

3. Về án phí: Căn cứ: Điều 135, 136, 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Nguyễn Thị D, Hoàng Việt H mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: Các bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 27/11/2019.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- Cục THADS tỉnh Tuyên Quang;
- CQANĐT, Phòng Hồ sơ Công an tỉnh;
- Trại tạm giam Công an tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang;
- Các bị cáo;
- Văn phòng TAND tỉnh;
- Lưu HS + Toà án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Tuấn Tú